

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM**



**QUY ĐỊNH TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

*(Ban hành kèm theo quyết định số 1026/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 30/7/2018 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên)*

THÁI NGUYÊN - 2018



Số: 1026/QĐ-ĐHNL-ĐT

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về Quy định tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục Đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1796/QĐ-ĐHTN ngày 28/8/2017 của Giám đốc ĐHTN ban hành kèm theo Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Nông Lâm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các khoa chuyên môn và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- ĐHTN (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Website Trường ĐHNL;
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: Văn thư, phòng Đào tạo.



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. *Trần Văn Điền*

QUI ĐỊNH TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
(Ban hành kèm Quyết định số 1026/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 30 tháng 7 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông lâm)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Nông Lâm (ĐHNL) được xây dựng nhằm cụ thể hóa các nội dung của “Quyết định 1796/QĐ-ĐHTN ngày 28/8/2017 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên”. Quy định bao gồm các nội dung: tuyển sinh; chương trình và tổ chức đào tạo; tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền của cá nhân và các đơn vị liên quan; luận án, đánh giá và bảo vệ luận án; thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án và cấp bằng tiến sĩ; khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

2. Quy định này áp dụng đối với các đơn vị đào tạo và phục vụ đào tạo, tổ chức và cá nhân tham gia đào tạo trình độ tiến sĩ trong phạm vi Trường ĐHNL.

Điều 2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo những nhà khoa học đạt học vị tiến sĩ về lĩnh vực nông lâm nghiệp, phát triển nông thôn, tài nguyên, môi trường có trình độ cao về lý thuyết và năng lực thực hành phù hợp, có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng phát hiện và năng lực giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học, công nghệ và hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

Điều 3. Thời gian đào tạo, ngành đào tạo

1. Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện trong 04 năm tập trung liên tục đối với người có bằng tốt nghiệp đại học, trong 03 năm tập trung liên tục đối với người có bằng thạc sĩ.

2. Trong trường hợp đặc biệt, nghiên cứu sinh (NCS) có bằng thạc sĩ không thể theo học tập trung liên tục được và được Hiệu trưởng chấp thuận thì thời gian đào tạo có thể được xác định là 4 năm, trong đó có ít nhất 12 tháng tập trung liên tục tại Trường ĐHNL để thực hiện đề tài luận án.

3. Thời gian đào tạo của khoá học tính từ ngày, tháng ghi trong quyết định công nhận NCS và người hướng dẫn của Hiệu trưởng đến ngày, tháng đó của năm kết thúc tương ứng với hình thức đào tạo.

4. Hiện nay Trường ĐHNL tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ với các ngành sau:

TT	Tên ngành	Mã số
1	Chăn nuôi	9.62.01.05
2	Ký sinh trùng & vi sinh vật học thú y	9.64.01.04
3	Khoa học cây trồng	9.62.01.10
4	Lâm sinh	9.62.02.05
5	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	9.62.01.07
6	Quản lý đất đai	9.85.01.03
7	Khoa học môi trường	9.44.03.01
8	Phát triển nông thôn	9.62.01.16

Chương II

TUYỂN SINH

Điều 4. Phương thức và thời gian tuyển sinh

1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

2. Số lần tuyển sinh trong năm: Hàng năm, ĐHTN tổ chức các đợt tuyển sinh trình độ tiến sĩ cùng với kỳ thi tuyển sinh sau đại học. Ngoài ra, có thể tổ chức tuyển sinh một số đợt theo kế hoạch và đề án tuyển sinh của Nhà trường. Giám đốc Đại học Thái Nguyên quyết định số lần, thời điểm tuyển sinh và thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của ĐHTN và Trường ĐHNL.

3. Hiệu trưởng căn cứ vào quy định của Quy chế 08/2017 và các quy định liên quan chịu trách nhiệm xây dựng đề án tuyển sinh (theo mẫu tại Phụ lục I của Quy chế 08/2017), đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin về phương thức tuyển sinh, thời gian tổ chức tuyển sinh, các điều kiện đảm bảo chất lượng và những thông tin cần thiết khác.

Điều 5. Điều kiện dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc có bằng thạc sĩ

a) Danh mục ngành đào tạo phù hợp được đăng ký xét tuyển đối với từng ngành đào tạo trình độ tiến sĩ do Hiệu trưởng xác định và được công khai trong đề án tuyển sinh;

b) Văn bằng đại học, thạc sĩ do cơ sở giáo dục đại học nước ngoài cấp phải được Cục Quản lý chất lượng (trước đây là Cục khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục) công nhận.

2. Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

3. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên, Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên hoặc Chứng chỉ Cambridge examination (CAE 45-59), Cambridge examination (PET Pass with Distinction) do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

Một số loại chứng chỉ tiếng nước ngoài khác minh chứng về năng lực ngoại ngữ theo bảng tham chiếu dưới đây (được cấp trong thời hạn 24 tháng):

STT	Chứng chỉ	Trình độ
1	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2; DELF B2 Diplôme de Langue
2	Goethe - Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
3	TestDaF	TDN3- TDN4
4	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4
5	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2
6	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a Khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b Khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương theo quy định tại điểm c Khoản này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

4. Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam.

Người dự tuyển là công dân nước ngoài đăng ký học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Anh thì phải đáp ứng các chuẩn tối thiểu trình độ tiếng Anh như quy định tại điểm c, d khoản 3 Điều này.

5. Đạt đủ điều kiện về kinh nghiệm quản lý và thâm niên công tác theo yêu cầu cụ thể của từng ngành dự tuyển do Nhà trường quy định.

Điều 6. Hồ sơ dự tuyển

1. Hồ sơ dự tuyển bao gồm:

a) Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu Phụ lục II);

b) Sơ yếu Lý lịch trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ đăng kí dự tuyển, có xác nhận của thủ trưởng cơ quan quản lí hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú. Sơ yếu lý lịch phải dán ảnh của người đăng ký xét tuyển và đóng dấu giáp lai của cơ quan, đơn vị hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú;

c) Bản sao (có công chứng) bằng tốt nghiệp và bằng điểm đại học; bằng tốt nghiệp và bằng điểm thạc sĩ;

d) Bản sao chụp bìa, mục lục và toàn văn các bài báo/ báo cáo khoa học đã công bố. Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và thâm niên công tác (nếu có);

đ) Đề cương nghiên cứu (theo mẫu quy định của Trường ĐHNL);

e) Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có

chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể:

- Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp;
- Năng lực hoạt động chuyên môn;
- Phương pháp làm việc;
- Khả năng nghiên cứu;
- Khả năng làm việc theo nhóm;
- Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển;
- Triển vọng phát triển về chuyên môn;
- Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm NCS;

g) Công văn cử đi dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);

h) Các tài liệu liên quan khác theo yêu cầu của Trường ĐHNL.

- Giấy khám sức khỏe của bệnh viện;

- Bản sao có công chứng văn bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài, chứng chỉ ngoại ngữ.

- Người có bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cần có minh chứng về học toàn thời gian ở nước ngoài, gồm một trong các tài liệu liên quan sau: (i) xác nhận của cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước sở tại đã theo học; (ii) xác nhận của cơ sở giáo dục nước ngoài nơi đã học tập; (iii) bản sao hợp lệ hộ chiếu có đóng dấu ngày xuất, nhập cảnh; (iv) minh chứng đã đăng kí vào Hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử quản lý lưu học sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- 03 ảnh chân dung mới chụp cỡ 4 cm x 6 cm và 02 phong bì có dán tem và ghi địa chỉ của người nhận (để gửi thông báo trúng tuyển và nhập học, lưu hồ sơ);

2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ báo cáo ĐHTN; 01 bộ lưu tại Trường ĐHNL).

Điều 7. Thông báo tuyển sinh

1. Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của ĐHTN, Trường ĐHNL và phương tiện thông tin đại chúng khác trước khi tổ chức xét tuyển ít nhất 03 tháng, trong đó nêu rõ các thông tin theo đề án tuyển sinh gồm:

a) Điều kiện dự tuyển;

b) Danh mục ngành đào tạo phù hợp được đăng ký xét tuyển đối với từng ngành đào tạo trình độ tiến sĩ; danh sách người hướng dẫn đáp ứng quy định tại Điều 20 của Quy định này;

c) Chỉ tiêu tuyển sinh theo từng ngành đào tạo;

d) Hồ sơ dự tuyển theo quy định tại Điều 6 của Quy định này và thời gian nhận hồ sơ, lệ phí dự tuyển;

đ) Kế hoạch và phương thức tuyển sinh, thời gian công bố kết quả trúng tuyển và thời gian nhập học;

e) Học phí, các chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí cho NCS trong quá trình học tập (nếu có);

g) Các yêu cầu và thông tin cần thiết khác.

2. Nội dung thông tin trong thông báo tuyển sinh do Trường ĐHNL chịu trách nhiệm và báo cáo ĐHTN, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành và phù hợp với đề án tuyển sinh của Nhà trường.

Điều 8. Quy trình xét tuyển NCS

1. Các thủ tục xét tuyển

a) Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh chuẩn bị và cung cấp hồ sơ, biểu mẫu đánh giá thí sinh cho tiểu ban chuyên môn;

b) Thành viên tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS đánh giá phân loại thí sinh thông qua các nội dung sau:

- Kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ;

- Thành tích nghiên cứu khoa học đã có (bài báo, báo cáo khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học các cấp);

- Kinh nghiệm hoạt động chuyên môn;

- Chất lượng đề cương nghiên cứu;

- Ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ thí sinh trong thư giới thiệu;

- Năng lực và khả năng ngoại ngữ;

- Các phẩm chất và năng lực khác của thí sinh;

c) Thí sinh trình bày về vấn đề dự định nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS. Vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh phải phù hợp với các lĩnh vực, hướng nghiên cứu mà đơn vị chuyên môn đang thực hiện, có người đủ tiêu chuẩn theo quy định đồng ý nhận hướng dẫn. Các thành viên Tiểu ban chuyên môn đặt các câu hỏi phỏng vấn để đánh giá năng lực nghiên cứu của ứng viên;

d) Căn cứ các yêu cầu đánh giá, tiểu ban chuyên môn cho điểm đánh giá. Mỗi thành viên của tiểu ban chuyên môn có 01 phiếu chấm điểm theo thang điểm 100,0 làm tròn đến 0,5 điểm (theo mẫu Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh chuẩn bị). Điểm đánh giá bài luận của thí sinh là trung bình cộng điểm đánh giá của các thành viên tiểu ban chuyên môn có mặt và lấy đến một chữ số thập phân. Điểm xét tuyển của thí sinh phải đạt từ 55,0 điểm trở lên. Việc xét trúng tuyển theo điểm đánh giá từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu của từng chuyên ngành;

đ) Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ đánh giá, chuyển kết quả xếp loại xét tuyển cho Hội đồng tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển cho từng chuyên ngành đào tạo và kết quả xếp loại

các thí sinh, trình Giám đốc - Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh ĐHTN quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ.

2. Triệu tập thí sinh trúng tuyển

a) Căn cứ danh sách thí sinh đã được Giám đốc - Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định công nhận trúng tuyển, ĐHTN gửi giấy triệu tập nhập học đến các thí sinh trúng tuyển.

b) Sau thời gian tối đa 20 ngày kể từ khi NCS nhập học, Trường ĐHNL ban hành quyết định công nhận NCS và phân công người hướng dẫn, xác định thời gian đào tạo.

Sau 20 ngày tính từ khi có quyết định trúng tuyển, NCS không làm thủ tục đăng ký nhập học Trường ĐHNL sẽ gửi công văn đề nghị ĐHTN xóa tên NCS khỏi danh sách NCS của Nhà trường.

Trường ĐHNL có văn bản giao NCS về hoạt động chuyên môn tại khoa/ bộ môn quản lý chuyên môn. Chậm nhất 06 tháng sau khi có quyết định công nhận NCS và người hướng dẫn, Nhà trường tổ chức đánh giá đề cương chi tiết đề tài luận án của NCS và ra quyết định giao đề tài luận án; báo cáo ĐHTN.

Chương III

CHƯƠNG TRÌNH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 9. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ nhằm giúp NCS hoàn chỉnh và nâng cao kiến thức cơ bản, có hiểu biết sâu về kiến thức chuyên ngành; có kiến thức rộng về các ngành liên quan; hỗ trợ NCS rèn luyện khả năng nghiên cứu, khả năng xác định vấn đề và độc lập giải quyết các vấn đề có ý nghĩa trong lĩnh vực chuyên môn, khả năng thực hành cần thiết. Nội dung chương trình phải hỗ trợ NCS tự học những kiến thức nền tảng, vững chắc về các học thuyết và lý luận của ngành, chuyên ngành; các kiến thức có tính ứng dụng của chuyên ngành; phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu, phương pháp viết các bài báo khoa học và trình bày kết quả nghiên cứu trước các nhà khoa học trong nước và quốc tế.

2. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ gồm ba phần:

a) Phần 1: Các học phần bổ sung;

b) Phần 2: Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan;

c) Phần 3: Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ.

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ do các khoa chuyên môn xây dựng và được thông qua Hội đồng Khoa học – đào tạo Nhà trường trên cơ sở khối lượng kiến thức và yêu cầu quy định của chương trình đào tạo bậc tiến sĩ.

d) Cấu trúc chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ:

Cấu trúc	Nội dung chương trình	Đối tượng	Thời gian thực hiện
1. Học phần bổ sung	Các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc chuyên ngành tương ứng.	NCS chưa có bằng thạc sĩ.	Trong thời hạn 24 tháng đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ
	Một số học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc ngành tương ứng. Số tín chỉ và học phần do Hiệu trưởng Nhà trường xác định trên cơ sở đề xuất của Bộ môn và người hướng dẫn.	NCS có bằng thạc sĩ ở ngành gần, hoặc ngành đúng nhưng đã tốt nghiệp ≥ 15 năm.	Trong thời hạn 24 tháng đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ
	Một số học phần ở trình độ đại học có vai trò quan trọng trong việc đào tạo tiến sĩ. Số tín chỉ và học phần do Hiệu trưởng Nhà trường xác định trên cơ sở đề xuất của Bộ môn và người hướng dẫn.	NCS còn thiếu các môn học, học phần quan trọng trong đào tạo trình độ tiến sĩ mà chưa học ở Đại học.	Trong thời hạn 24 tháng đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ
2. Học phần ở trình độ tiến sĩ	Gồm 04 học phần với khối lượng 8 tín chỉ, trong đó có 02 học phần bắt buộc.	Tất cả NCS	Trong thời hạn 24 tháng đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ
3. Chuyên đề tiến sĩ	<ul style="list-style-type: none"> - Các chuyên đề tiến sĩ đòi hỏi NCS tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của NCS. NCS tự đề xuất hướng nghiên cứu chuyên đề dưới sự giúp đỡ của người hướng dẫn. - Mỗi NCS phải hoàn thành 3 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng 6 tín chỉ. 	Tất cả NCS	Trong thời hạn 24 tháng đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ
4. Tiểu luận tổng quan	Bài tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi NCS thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan	Tất cả NCS	Trong thời hạn 24 tháng đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ

	mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.		
5. Báo cáo seminar ở bộ môn	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia Seminar định kỳ ở bộ môn. - NCS có ít nhất 05 báo cáo khoa học trình bày ở bộ môn về kết quả nghiên cứu, trong đó có 01 báo cáo trình bày tổng thể kết quả nghiên cứu đề tài luận án (Luận án sơ bộ); có biên bản của buổi Seminar. 	Tất cả NCS	Theo kế hoạch của khoa/ bộ môn và kế hoạch học tập của NCS
6. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu khoa học là giai đoạn đặc thù, mang tính bắt buộc trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận án tiến sĩ. - Luận án tiến sĩ (70 - 80 tín chỉ): <ul style="list-style-type: none"> + Bảo vệ cấp cơ sở; + Bảo vệ cấp Trường. 	Tất cả NCS	Trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ

Điều 10. Bảo vệ đề cương chi tiết

1. Sau khi có quyết định công nhận NCS, chậm nhất 6 tháng, NCS phải bảo vệ đề cương nghiên cứu chi tiết của đề tài luận án, xác định tên chính thức của đề tài luận án, giáo viên hướng dẫn và Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài luận án.

2. Tổ chức bảo vệ đề cương chi tiết

- Khoa chuyên môn đề xuất Hội đồng đánh giá đề cương chi tiết của NCS gồm 10 người gửi phòng Đào tạo, trong đó có 3 người ở ngoài cơ sở đào tạo.

- Phòng Đào tạo xem xét và đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá đề cương chi tiết của NCS. Hội đồng gồm 7 thành viên, gồm Chủ tịch hội đồng, Thư ký hội đồng và các ủy viên hội đồng, người hướng dẫn là ủy viên đương nhiên.

3. Trình tự tiến hành của Hội đồng đánh giá đề cương chi tiết của NCS:

a) Chủ tịch Hội đồng điều khiển phiên họp: Tuyên bố lý do, đọc quyết định thành lập Hội đồng đánh giá đề cương chi tiết và các điều kiện để được tiến hành đánh giá đề cương chi tiết đề tài của NCS;

b) NCS trình bày rõ ràng, cô đọng và đầy đủ nội dung đề cương chi tiết đề tài (không hạn chế thời gian trình bày của NCS);

c) Các thành viên Hội đồng và những người tham dự nhận xét, đặt câu hỏi;

d) NCS giải thích, trả lời các câu hỏi đặt ra;

e) Hội đồng thảo luận, nếu không còn vấn đề tranh luận hoặc các vấn đề đã được làm rõ, Hội đồng thảo luận thông qua kết luận của Hội đồng;

f) Chủ tịch Hội đồng công bố kết luận của Hội đồng với các nội dung sau:

- Sự phù hợp của tên đề tài luận án với nội dung và mã số ngành/chuyên ngành;
- Các nội dung cơ bản của đề tài;
- Những kết quả mới dự kiến sẽ đạt được;
- Các chỉ tiêu nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu;
- Mức độ đáp ứng yêu cầu của luận án về nội dung theo qui định;
- Kết luận: Xác định tên chính thức của đề tài và người hướng dẫn NCS để trình Hiệu trưởng ra quyết định;
- Hoàn thành biên bản phiên họp (theo quy định).

Điều 11. Các học phần bổ sung

Các học phần bổ sung là các học phần giúp NCS có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của NCS.

1. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc chuyên ngành tương ứng, được học trong hai năm đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ, có khối lượng từ 35-40 tín chỉ, chưa kể môn Triết học và Ngoại ngữ.

2. Đối với NCS đã có bằng thạc sĩ nhưng ở chuyên ngành gần với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, hoặc có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành nhưng tốt nghiệp đã nhiều năm hoặc do cơ sở đào tạo khác cấp thì trên cơ sở đối chiếu với chương trình đào tạo hiện tại, đơn vị đào tạo yêu cầu NCS học bổ sung các học phần cần thiết theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu.

3. Trường hợp cần thiết, nếu chương trình đào tạo trình độ đại học của NCS còn thiếu những môn học/ học phần có vai trò quan trọng cho việc đào tạo trình độ tiến sĩ, cán bộ hướng dẫn và khoa/ bộ môn quản lý chuyên môn đề xuất với Hiệu trưởng yêu cầu NCS học bổ sung một số học phần ở trình độ đại học.

4. Hiệu trưởng quyết định các học phần NCS cần học bổ sung trên cơ sở đề xuất của khoa/ bộ môn quản lý chuyên môn và cán bộ hướng dẫn khoa học; khối lượng tín chỉ cần bổ sung cho trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Việc đánh giá kết quả học tập các học phần bổ sung theo quy chế hiện hành của chương trình đào tạo bậc đại học và thạc sĩ.

Điều 12. Các học phần ở trình độ tiến sĩ

1. Các học phần ở trình độ tiến sĩ giúp NCS cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu. Mỗi học phần được thiết kế với khối lượng từ 2 đến 3 tín chỉ. Mỗi NCS phải hoàn thành từ 3 đến 5 học phần với khối lượng từ 8 đến 12 tín chỉ thuộc trình độ tiến sĩ.

2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ gồm 8 tín chỉ (04 tín chỉ ở 02 học phần bắt buộc và 04 tín chỉ ở 02 học phần lựa chọn), trong đó các học phần bắt buộc là những học phần căn bản, liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành và chuyên ngành, chiếm khoảng 50 % khối lượng kiến thức. Các học phần lựa chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với đề tài NCS hoặc hỗ trợ rèn luyện các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành, cách viết bài báo khoa học.

Việc tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần học phần tiến sĩ do các khoa chuyên môn thực hiện theo Quyết định số 493/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 09/5/2018 về việc Ban hành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

Điều 13. Các chuyên đề tiến sĩ

1. Các chuyên đề tiến sĩ đòi hỏi NCS tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến từng nội dung đề tài của NCS, nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, giúp NCS giải quyết một số nội dung của đề tài luận án. NCS phải hoàn thành 3 chuyên đề tiến sĩ.

2. Chuyên đề tiến sĩ được Phòng Đào tạo tổ chức đánh giá trong thời gian 24 tháng kể từ ngày có quyết định công nhận NCS, người hướng dẫn và thời gian đào tạo (hoặc 36 tháng đối với NCS chỉ có bằng đại học).

3. Các bước tiến hành:

- Trước 5 ngày dự kiến tiến hành các chuyên đề tiến sĩ, Khoa chuyên môn đề xuất tên các thành viên của từng Tiểu ban (mỗi Tiểu ban 3 người: Trưởng tiểu ban, thư kí và ủy viên) ứng với tên của từng chuyên đề.

- Phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Tiểu ban đánh giá các chuyên đề.

- Tiêu chuẩn thành viên Tiểu ban:

+ Các thành viên hội đồng phải có chức danh giáo sư, hoặc phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, có chuyên ngành phù hợp, am hiểu những vấn đề có liên quan đến đề tài.

+ Trưởng Tiểu ban phải là người có năng lực và uy tín chuyên môn, có kinh nghiệm trong tổ chức điều hành công việc của Tiểu ban.

+ Tiểu ban không tổ chức họp đánh giá nếu xảy ra vắng mặt từ một thành viên trở lên.

- Sau khi có quyết định của Hiệu trưởng về thành lập Tiểu ban đánh giá, NCS và Khoa chuyên môn đề xuất lịch báo cáo, đánh giá chuyên đề của NCS.

4. Trình tự đánh giá chuyên đề của NCS:

a) NCS trình bày nội dung từng chuyên đề (thời gian khoảng 30 phút)

b) Tiểu ban và người tham dự đặt câu hỏi và thảo luận.

c) NCS làm rõ và trả lời các câu hỏi.

d) Tiểu ban sẽ cho điểm đánh giá kết thúc chuyên đề tiến sĩ. Điểm của các thành viên Tiểu ban được chấm theo thang điểm 10, có số lẻ đến 0,5 điểm. Điểm của

Tiểu ban đánh giá là trung bình cộng điểm các thành viên Tiểu ban có tham gia buổi đánh giá, được tính đến 2 số lẻ thập phân.

đ) Chênh lệch về điểm giữa các thành viên trong Tiểu ban không được vượt quá 2 điểm. Nếu xảy ra trường hợp này thì Trưởng Tiểu ban triệu tập cuộc họp giữa các thành viên trong Tiểu ban và thống nhất cách xử lý.

e) Hoàn thành biên bản phiên họp (theo quy định).

Điều 14. Bài tiểu luận tổng quan

1. Bài tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi NCS thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan trực tiếp đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.

2. Bài tiểu luận tổng quan do Phòng Đào tạo tổ chức, NCS phải thực hiện trong 24 tháng kể từ ngày trúng tuyển NCS (hoặc 36 tháng đối với NCS chỉ có bằng đại học).

3. Các bước tiến hành:

- Trước 5 ngày NCS dự kiến tiến hành bài tiểu luận tổng quan, Khoa chuyên môn đề xuất tên các thành viên của Hội đồng gồm 5 người: Trưởng tiểu ban, thư ký và 3 ủy viên.

- Phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng

- Tiêu chuẩn thành viên hội đồng:

+ Các thành viên hội đồng phải có chức danh giáo sư, hoặc phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, có chuyên ngành phù hợp, am hiểu những vấn đề có liên quan đến đề tài.

+ Chủ tịch hội đồng phải là người có năng lực và uy tín chuyên môn, có kinh nghiệm trong tổ chức điều hành công việc của Hội đồng.

+ Hội đồng không tổ chức họp đánh giá nếu xảy ra vắng mặt từ một thành viên trở lên.

- Sau khi có quyết định của Hiệu trưởng về thành lập Hội đồng đánh giá, NCS và Khoa chuyên môn đề xuất lịch báo cáo, đánh giá Bài tiểu luận tổng quan của NCS

4. Trình tự đánh giá Bài tiểu luận tổng quan của NCS:

a) NCS trình bày Bài tiểu luận tổng quan (thời gian khoảng 30 phút)

b) Hội đồng và người tham dự đặt câu hỏi và thảo luận.

c) NCS làm rõ và trả lời các câu hỏi.

d) Hội đồng sẽ cho điểm đánh giá Tiểu luận tổng quan. Điểm của các thành viên hội đồng được chấm theo thang điểm 10, có số lẻ đến 0,5 điểm. Điểm của hội đồng đánh giá là trung bình cộng điểm các thành viên hội đồng có tham gia buổi đánh giá, được tính đến 2 số lẻ phần thập phân.

đ) Chênh lệch về điểm giữa các thành viên trong hội đồng không được vượt quá 2 điểm. Nếu xảy ra trường hợp này thì Chủ tịch hội đồng triệu tập cuộc họp giữa các thành viên hội đồng và thống nhất cách xử lý.

e) Hoàn thành biên bản phiên họp (theo quy định).

Điều 15. Nghiên cứu khoa học và các báo cáo seminar

1. Nghiên cứu khoa học là giai đoạn đặc thù, mang tính bắt buộc trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận án tiến sĩ. Tùy theo tính chất của lĩnh vực nghiên cứu và nội dung đề tài mà các khoa chuyên môn có các yêu cầu khác nhau đối với việc đánh giá hiện trạng tri thức, giải pháp công nghệ liên quan đến đề tài luận án, yêu cầu điều tra, thực nghiệm để bổ sung các dữ liệu cần thiết, yêu cầu suy luận khoa học hoặc thiết kế giải pháp, thí nghiệm để từ đó NCS đạt tới tri thức mới hoặc giải pháp mới. Đây là các cơ sở quan trọng nhất để NCS viết luận án tiến sĩ.

2. Hoạt động nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu của luận án tiến sĩ. Khoa chuyên môn và người hướng dẫn khoa học có trách nhiệm tổ chức, bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm và đội ngũ cán bộ nghiên cứu hỗ trợ NCS thực hiện các hoạt động nghiên cứu. Khoa chuyên môn, người hướng dẫn khoa học và NCS chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu của luận án, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

3. Thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ. Nếu vì lý do khách quan hay chủ quan, việc nghiên cứu khoa học không thể hoàn thành trong thời gian dự kiến thì để đảm bảo chất lượng luận án NCS được đăng ký kéo dài thời gian nghiên cứu. Các chi phí đào tạo trong thời gian kéo dài do NCS chịu hoặc do đơn vị cử đi học hoặc đơn vị đào tạo hỗ trợ nếu có điều kiện.

4. Khoa chuyên môn có trách nhiệm kết hợp chặt chẽ công tác đào tạo sau đại học với công tác nghiên cứu khoa học ở đơn vị theo các nguyên tắc sau:

a) Có chính sách ưu tiên các đề tài, dự án khoa học - công nghệ gắn với đề tài luận án của NCS.

b) Bố trí cho NCS sinh hoạt khoa học và thực hiện đề tài luận án tại các phòng thí nghiệm, với nhóm nghiên cứu đang thực hiện các đề tài, dự án khoa học - công nghệ;

c) Ưu tiên kinh phí nghiên cứu khoa học cho các đề tài, dự án khoa học - công nghệ trực tiếp giải quyết các nhiệm vụ khoa học của đề tài luận án; hướng dẫn các chủ nhiệm đề tài, dự án kết hợp sử dụng tốt kinh phí khoa học - công nghệ của đề tài, dự án và nguồn kinh phí hỗ trợ đào tạo sau đại học khác nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của cả công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo trình độ tiến sĩ.

5. Trong quá trình tiến hành nghiên cứu khoa học, NCS phải thực hiện các báo cáo khoa học (Seminar) để trình bày các kết quả của từng nội dung đề tài luận án. NCS phải có ít nhất 4 seminar báo cáo khoa học để trình bày các kết quả nội dung của đề tài và 1 seminar tổng thể trình bày kết quả toàn diện của đề tài luận án (có thể coi là luận án sơ bộ).

6. NCS phải lập kế hoạch thực hiện các seminar hoặc đề xuất thực hiện đột xuất các seminar khi gặp khó khăn trong nghiên cứu. Seminar được tiến hành tại Khoa chuyên môn với sự có mặt của các nhà khoa học có chuyên môn gần, có thể giúp đỡ NCS giải quyết các vấn đề trong nghiên cứu

7. Trình tự tiến hành các seminar

a) NCS trình bày báo cáo/vấn đề khoa học, đề xuất các vấn đề khoa học mà bản thân mình không tự giải thích hoặc gặp khó khăn trong nghiên cứu (thời gian khoảng 15 - 30 phút)

b) Người tham dự và NCS trao đổi, đặt câu hỏi, thảo luận và giải đáp các vấn đề khoa học.

c) Hoàn thành biên bản seminar với các nội dung đã thực hiện (theo mẫu quy định).

Điều 16. Luận án tiến sĩ

Luận án tiến sĩ phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành khoa học hay thực tiễn kinh tế - xã hội.

Điều 17. Tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần và các chuyên đề tiến sĩ

1. Khi tiếp nhận NCS, căn cứ trình độ của từng NCS, văn bằng NCS đã có, các học phần NCS đã học ở trình độ đại học và thạc sĩ (nếu có), người hướng dẫn NCS và khoa chuyên môn sẽ đề xuất các học phần bổ sung cần thiết ở trình độ đại học, thạc sĩ; các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ sao cho phù hợp, thiết thực với quá trình đào tạo và thực hiện đề tài luận án của NCS, trình Hiệu trưởng phê duyệt và thông báo cho NCS thực hiện.

2. Đối với các học phần bổ sung ở trình độ đại học, thạc sĩ, NCS phải theo học cùng các lớp đào tạo trình độ tương ứng của đơn vị đào tạo hoặc cơ sở đào tạo khác do đơn vị đào tạo gửi đến học. Đối với các học phần ở trình độ tiến sĩ do đơn vị đào tạo tổ chức thực hiện.

3. Trong thời gian tối đa là 24 tháng kể từ khi trúng tuyển, phòng đào tạo phải tổ chức để NCS hoàn thành phần 1 và phần 2 của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

4. Việc tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần và tiểu luận tổng quan của NCS phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

a) Khuyến khích và đòi hỏi chủ động tự học, tự nghiên cứu của NCS;

b) Việc đánh giá các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ thực hiện theo quy trình đánh giá khách quan, liên tục trong quá trình đào tạo. Hiệu trưởng quy định cụ thể thang đánh giá.

5. NCS có học phần, chuyên đề tiến sĩ hoặc tiểu luận tổng quan không đạt yêu cầu theo quy định sẽ không được tiếp tục làm NCS. Người chưa có bằng thạc sĩ có thể chuyển sang học và hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ nếu có kết quả thi tuyển trình độ thạc sĩ đạt yêu cầu và được Đại học Thái Nguyên hoặc một cơ sở đào tạo trình độ thạc sĩ chấp nhận.

6. Hội đồng Khoa học - Đào tạo chuyên ngành có nhiệm vụ xây dựng chương trình đào tạo, định kỳ hai năm một lần bổ sung, điều chỉnh danh mục và nội dung các học phần, các chuyên đề tiến sĩ theo yêu cầu của ngành đào tạo và quy định của đơn vị đào tạo, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

7. Hiệu trưởng quy định cụ thể việc tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan của NCS; điều kiện để NCS được tiếp tục đào tạo khi kết thúc các học phần và tiểu luận tổng quan.

Điều 18. Tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo

1. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật giáo dục đại học, Trường ĐHNL quy định chi tiết việc tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ đảm bảo tuân thủ các quy định của Quy chế 08/2017 và các quy định liên quan của ĐHTN (tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan của NCS; điều kiện để NCS được tiếp tục đào tạo khi kết thúc các học phần và tiểu luận tổng quan,..).

2. Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ

a) Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ (kể từ khi có quyết định công nhận NCS và phân công người hướng dẫn) được thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 35 Luật giáo dục đại học và điểm d, khoản 4, Điều 2 Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và đảm bảo hoàn thành khối lượng học tập tối thiểu theo quy định tại khoản 1, Điều 3 của Quy định này;

b) Trong trường hợp đặc biệt, NCS được rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập theo quy định tại khoản 7 Điều này.

3. Việc tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy, NCS phải dành ít nhất 12 tháng theo học tập trung liên tục tại Trường trong giai đoạn 24 tháng đầu, kể từ khi có quyết định công nhận NCS và phân công người hướng dẫn.

4. Trường ĐHNL tổ chức dạy và học các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ tại Nhà trường. Trong trường hợp Trường ĐHNL không đào tạo chương trình có học phần cần bổ sung cho NCS thì gửi NCS theo học ở các cơ sở đào tạo khác đã được phép đào tạo chương trình có học phần này theo thỏa thuận giữa các cơ sở đào tạo khác với Nhà trường.

5. Nghiên cứu khoa học là bắt buộc trong quá trình thực hiện luận án tiến sĩ, thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian quy định tại khoản 2 Điều này. Trong quá trình thực hiện luận án tiến sĩ, NCS phải thường xuyên tham dự và báo cáo seminar ở bộ môn/ khoa quản lý chuyên môn. NCS phải thực hiện tối thiểu 05 báo cáo seminar ở bộ môn/khoa quản lý chuyên môn.

6. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

a) Việc thay đổi đề tài luận án được thực hiện khi NCS, người hướng dẫn đảm bảo hoàn thành chương trình đào tạo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Quy định này trong thời gian quy định tại các điểm a, b và c khoản 7 Điều này. Việc thay đổi đề tài luận án chỉ được thực hiện trong nửa đầu thời gian đào tạo;

b) Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn được thực hiện chậm nhất trước 12 tháng tính đến ngày kết thúc khoá học theo quyết định công nhận NCS (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có), trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Việc chuyển cơ sở đào tạo được xem xét trong trường hợp thời hạn học tập của NCS còn tối thiểu 12 tháng theo quyết định công nhận NCS và cơ sở chuyển đến

đang triển khai đào tạo ngành tương ứng ở trình độ tiến sĩ. Trường hợp NCS từ cơ sở đào tạo khác chuyển đến ĐHTN thì sau khi có sự đồng ý của cơ sở đào tạo NCS, Trường ĐHNL sẽ tiếp nhận và báo cáo ĐHTN ra quyết định tiếp nhận NCS. Thời gian đào tạo là thời gian học tập còn lại theo quyết định công nhận NCS của cơ sở đào tạo trước (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có). Việc công nhận kết quả học tập đã tích lũy và các học phần mà NCS cần bổ sung (nếu có) do Trường ĐHNL quyết định.

7. Hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, gia hạn và rút ngắn thời gian học tập

a) NCS được xác định hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu luận án đã được Hội đồng đánh giá cấp Trường thông qua trong thời gian quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này;

b) Trong trường hợp NCS không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, trước khi hết hạn, NCS phải làm thủ tục xin gia hạn học tập. Thời gian gia hạn tối đa là 24 tháng. Trong thời gian này, NCS phải theo học tập trung liên tục tại Trường. Trường ĐHNL ra quyết định gia hạn thời gian học tập và nghiên cứu cho NCS, tối đa không quá 12 tháng/01 lần gia hạn.

Hết thời gian gia hạn, nếu luận án của NCS không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường thông qua (bao gồm cả trường hợp cho phép đánh giá lại theo quy định tại Điều 32 Quy định này) thì Trường ĐHNL có văn bản báo cáo ĐHTN ra quyết định cho NCS thôi học. Kết quả học tập của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ không được bảo lưu;

c) Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho phép NCS được rút ngắn thời gian học tập nếu hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo theo quy định của Quy chế 08/2017 và Quy định này. Thủ tục hồ sơ bảo vệ luận án trước thời hạn bao gồm: Đơn đề nghị bảo vệ luận án trước thời hạn của NCS, ý kiến đề nghị của người hướng dẫn; Biên bản xét đề nghị của khoa/bộ môn quản lý chuyên môn. Việc bảo vệ luận án trước thời hạn không sớm hơn 2/3 thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ của NCS được ghi trong quyết định.

Chương IV **TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN** **CỦA CÁC CÁ NHÂN VÀ ĐƠN VỊ LIÊN QUAN**

Điều 19. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Tiêu chuẩn giảng viên

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật giáo dục đại học;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với các học phần đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c) Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên hoặc đã và đang tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Tỉnh, Bộ và ĐHTN trở lên;

d) Là tác giả chính tối thiểu 02 bài báo hoặc công trình khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong thời hạn 05 năm tính đến ngày được phân công giảng dạy.

2. Giảng viên thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật giáo dục đại học và các quy định liên quan.

3. Hồ sơ và thủ tục người nước ngoài tham gia đào tạo chương trình tiến sĩ thực hiện theo quy định của Nhà trường.

Điều 20. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Tiêu chuẩn người hướng dẫn độc lập

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật giáo dục đại học;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án hoặc lĩnh vực nghiên cứu của NCS; đối với người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư thì phải có tối thiểu 03 năm (36 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ;

c) Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên;

d) Là tác giả chính tối thiểu 01 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục các tạp chí của cơ sở dữ liệu ISI Thomson Reuters hoặc của cơ sở dữ liệu Scopus - Elsevier (sau đây gọi chung là danh mục các tạp chí ISI - Scopus) hoặc ít nhất một chương sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do các nhà xuất bản nước ngoài phát hành; hoặc là tác giả chính của tối thiểu 02 báo cáo đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, hoặc 02 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực khoa học liên quan đến đề tài luận án của NCS;

đ) Trường hợp chưa có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, ngoài việc phải đáp ứng quy định tại điểm d Khoản này phải là tác giả chính của thêm 01 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI - Scopus;

e) Có năng lực ngoại ngữ phục vụ nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế;

g) Người hướng dẫn độc lập phải là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của Trường ĐHNL (hoặc của các CSGDĐH trong ĐHTN) hoặc là nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Trường ĐHNL.

2. Mỗi NCS có tối đa 02 người hướng dẫn, trong đó:

a) Người hướng dẫn chính phải có đầy đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Người hướng dẫn phụ phải có các tiêu chuẩn tối thiểu quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này;

c) Ít nhất phải có một người là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của Trường ĐHNL hoặc là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của ĐHTN;

3. Nhiệm vụ và quyền của người hướng dẫn

a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật giáo dục đại học;

b) Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 05 NCS; người có chức danh phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 04 NCS; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 03 NCS;

c) Không được hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn NCS mới nếu trong vòng 06 năm (72 tháng) tính đến thời điểm được giao nhiệm vụ có 02 NCS có luận án không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường thông qua, bao gồm cả việc đánh giá lại luận án quy định tại Điều 32 của Quy định này (nếu có);

d) Hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc NCS thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học;

đ) Thông qua luận án của NCS, đề nghị đề luận án được đánh giá ở đơn vị chuyên môn và tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường nếu luận án đã đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 25 của Quy định này;

e) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

4. Hồ sơ và thủ tục người nước ngoài tham gia hướng dẫn NCS thực hiện theo quy định của Trường ĐHNL.

Điều 21. Nhiệm vụ và quyền của nghiên cứu sinh

1. Thực hiện quy định tại các Điều 60, 61 Luật giáo dục đại học.

2. Xây dựng kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học toàn khoá và từng học kỳ, được người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn thông qua.

3. Định kỳ báo cáo tiến độ, kết quả đạt được theo quy định của Trường ĐHNL.

4. Được tiếp cận các nguồn tài liệu, sử dụng thư viện, các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận án.

5. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của Trường ĐHNL.

Điều 22. Trách nhiệm của phòng Đào tạo

1. Xây dựng và ban hành quy định chi tiết của Nhà trường về tham gia tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quản lý NCS, bảo vệ luận án, cấp bằng tiến sĩ và các hoạt động liên quan đến quá trình đào tạo trình độ tiến sĩ trên cơ sở quy định 1796/QĐ-ĐHTN

2. Xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của Nhà trường theo từng chuyên ngành đào tạo và báo cáo ĐHTN phê duyệt.

3. Tham gia tổ chức tuyển sinh hàng năm theo chỉ tiêu đã được xác định và theo quy định tại Chương III của Quy định này.

4. Chỉ đạo các khoa chuyên môn xây dựng chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy đối với các ngành được phép đào tạo; lập hồ sơ gửi ĐHTN và Bộ Giáo dục và Đào tạo đăng ký mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ; đề xuất phê duyệt danh mục các tạp chí khoa học uy tín, có phản biện độc lập mà NCS phải gửi công bố kết quả nghiên cứu theo từng ngành đào tạo.

5. Tham mưu cho Hiệu trưởng ra quyết định giao NCS về sinh hoạt tại khoa chuyên môn; quyết định xử lý những thay đổi trong quá trình đào tạo của NCS thuộc thẩm quyền theo quyết định 1796/QĐ-ĐHTN.

6. Tổ chức bảo vệ đề cương nghiên cứu chi tiết đề tài luận án của NCS và đề xuất người hướng dẫn sau khi NCS trúng tuyển; lập hồ sơ đề nghị Hiệu trưởng ra Quyết định giao đề tài luận án;

7. Lập kế hoạch và tổ chức cho NCS chưa có bằng thạc sĩ học và thi các môn học quy định; Tổ chức cho NCS học tập các học phần bổ sung, học phần trình độ tiến sĩ; Tổ chức cho NCS tự học, tự nghiên cứu và thực hiện các chuyên đề tiến sĩ dưới sự chỉ đạo, giám sát của người hướng dẫn; Tổ chức cho NCS bảo vệ chuyên đề, bảo vệ bài tiểu luận tổng quan;

8. Kiểm tra, đôn đốc và giám sát sinh hoạt seminar ở các khoa chuyên môn: theo chương trình và kế hoạch đào tạo đã được phê duyệt. Tạo điều kiện để NCS được đi thực tập, tham gia hội nghị khoa học quốc tế ở nước ngoài.

9. Lập hồ sơ đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở và cấp Trường; Công bố công khai lịch bảo vệ luận án cấp cơ sở và cấp Trường theo qui định.

10. Tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án cấp cơ sở và cấp Trường cho NCS theo quy định.

11. Chủ trì tổ chức xử lý luận án sau thẩm định theo qui định.

12. Cấp bằng tiến sĩ và quản lý việc cấp bằng tiến sĩ theo quy định hiện hành.

13. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo đối với ĐHTN theo qui định.

14. Thực hiện đầy đủ chế độ lưu trữ tài liệu theo qui định: Quyết định trúng tuyển, bảng điểm gốc, hồ sơ bảo vệ luận án các cấp (cấp Cơ sở và cấp Trường), hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ, quyết định cấp bằng tiến sĩ, sổ gốc cấp văn bằng tốt nghiệp là tài liệu được lưu trữ, bảo quản vĩnh viễn tại Nhà trường. Tài liệu đào tạo và các tài liệu khác được lưu trữ, bảo quản trong thời hạn 5 năm sau khi người học tốt nghiệp. Các bài thi học phần, báo cáo chuyên đề, tiểu luận tổng quan của NCS được bảo quản và lưu trữ đến khi NCS tốt nghiệp. Việc tiêu hủy tài liệu hết giá trị sử dụng được thực hiện theo quy định hiện hành.

15. Thực hiện việc kiểm tra, thanh tra Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ của ĐHTN trong đào tạo trình độ tiến sĩ ở các đơn vị đào tạo.

16. Đăng ký kiểm định chất lượng đào tạo với cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

Điều 23. Nhiệm vụ và quyền của khoa chuyên môn

a) Đề xuất các tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS theo chuyên ngành đào tạo thuộc khoa quản lý;

b) Xem xét và thông qua Hội đồng Khoa học - Đào tạo chuyên ngành trước khi trình Hiệu trưởng quyết định các học phần cần thiết phải học trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: các học phần ở trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ; các chuyên đề tiến sĩ; kế hoạch đào tạo đối với từng NCS; giám sát và kiểm tra việc thực hiện chương trình và kế hoạch đào tạo của NCS đó;

c) Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ cho giảng viên và NCS, ít nhất mỗi tháng một lần, để NCS báo cáo chuyên đề và kết quả nghiên cứu; phân công cho NCS giảng dạy và hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, đưa sinh viên đi thực hành, thực tập (nếu có);

d) Quy định lịch của khoa chuyên môn nghe NCS báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu trong năm học. Tổ chức xem xét đánh giá kết quả học tập, nghiên cứu; tinh thần, thái độ học tập, nghiên cứu; khả năng và triển vọng của NCS và đề nghị phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng quyết định việc tiếp tục học tập đối với từng NCS;

e) Đề nghị phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng quyết định việc thay đổi tên đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo, chuyển cơ sở đào tạo của NCS. Phòng Đào tạo lập hồ sơ trình Hiệu ra quyết định về những thay đổi nêu trên;

g) Có các biện pháp quản lý và thực hiện quản lý chặt chẽ NCS trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu. Định kỳ 6 tháng một lần họp báo cáo về tình hình học tập, nghiên cứu của NCS; đồng thời thông báo kết quả học tập và nghiên cứu của NCS cho Thủ trưởng đơn vị công tác của NCS.

Điều 24. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường ĐHNL

a) Xây dựng, ban hành và công bố công khai quy định chi tiết của Trường ĐHNL về đề án tuyển sinh, điều kiện xét tuyển, danh mục lĩnh vực nghiên cứu và danh sách cán bộ khoa học cơ hữu đủ điều kiện tham gia hướng dẫn NCS, đề xuất hội đồng chuyên môn xét tuyển NCS; ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết liên quan đến tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ thuộc Nhà trường.

b) Công bố công khai thông tin liên quan đến đề án tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ trên trang thông tin điện tử của Trường.

c) Phối hợp với ĐHTN tổ chức tuyển sinh đào tạo tiến sĩ;

d) Chịu trách nhiệm toàn bộ các khâu tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ, đánh giá luận án của NCS, xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tiến sĩ theo các quy định hiện hành. Cụ thể:

- Quyết định công nhận NCS và phân công người hướng dẫn, xác định thời gian đào tạo; quyết định thành lập hội đồng đánh giá đề cương chi tiết đề tài luận án của NCS (trong đó có quy định cụ thể tiêu chuẩn của người tham gia hội đồng); quyết định giao đề tài luận án cho NCS; quyết định những thay đổi trong quá trình đào tạo NCS; quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn (cấp cơ sở), thành lập hội đồng đánh giá luận án cấp Trường; Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tiến sĩ;

- Quyết định phân công NCS về hoạt động tại khoa/bộ môn quản lý chuyên môn; quyết định phân công người hướng dẫn chuyên đề tiến sĩ, bài tiểu luận tổng quan và thành lập hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ, bài tiểu luận tổng quan. Quy định tiêu chuẩn người hướng dẫn chuyên đề tiến sĩ, bài tiểu luận tổng quan; số lượng và thành phần hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ, bài tiểu luận tổng quan;

đ) Đảm bảo đủ các điều kiện và cơ sở vật chất cần thiết cho giảng viên, người hướng dẫn, NCS và hội đồng đánh giá luận án (bao gồm cả nhiệm vụ sử dụng công cụ công nghệ thông tin để kiểm tra và rà soát việc sao chép luận án, chuyển kết quả cho Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường để Hội đồng xem xét, đánh giá, kết luận);

e) Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học; hướng dẫn NCS xuất bản bài báo khoa học trên tạp chí nghiên cứu khoa học của ĐHTN và các tạp chí khoa học chuyên ngành khác;

g) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ trong nội bộ Trường;

h) Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ, bao gồm:

- Vào tháng 12 hằng năm, báo cáo ĐHTN về công tác đào tạo tiến sĩ, cấp bằng tiến sĩ, chỉ tiêu và kế hoạch tuyển NCS từng ngành của năm tiếp theo (theo mẫu tại Phụ lục của Quy chế 08/2017);

- Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, báo cáo ĐHTN danh sách trích ngang NCS đã hoàn thiện hồ sơ quá trình đào tạo và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá bảo vệ luận án cấp Trường trong 02 tháng trước đó (theo mẫu tại Phụ lục của Quy chế 08/2017);

- Lưu trữ và bảo quản hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 27/2016/TT - BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

Chương V

LUẬN ÁN, ĐÁNH GIÁ VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN

Điều 25. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

1. Luận án tiến sĩ đáp ứng quy định tại khoản 5, Điều 9 Quy định này về khối lượng, hình thức, cách trình bày luận án, quy định trích dẫn và danh mục tài liệu tham khảo (xem mẫu Phụ lục VI của Quy chế 08/2017). Cụ thể:

a) Luận án được viết bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng nước ngoài sử dụng kiểu chữ Times New Roman, cỡ chữ 13 - 14, mã Unicode; mật độ chữ bình thường. Paragraph: dẫn dòng (Lines spacing) đặt ở chế độ 1.5 lines hoặc Multiple 1.3 - 1.5 pt (tùy theo cỡ chữ); Before 0.3 - 0.6 pt, after 0 pt; lề trên 3.0 cm; lề dưới 2.0 - 2.5 cm; lề trái 3.0 - 3.5 cm; lề phải 2.0 cm. Số trang được đánh ở giữa, phía trên mỗi trang;

Luận án tiến sĩ có khối lượng không quá 150 trang A4, không kể phụ lục. Cấu trúc của luận án tiến sĩ bao gồm:

- Đặt vấn đề: Lý do lựa chọn đề tài, mục tiêu, các điểm mới của đề tài luận án.

- Chương I: Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu; Cơ sở khoa học và thực tiễn của đề tài;

- Chương II: Đối tượng, phạm vi nghiên cứu; Nội dung nghiên cứu; Phương pháp nghiên cứu, cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu....

- Chương III: Kết quả nghiên cứu và thảo luận

- Kết luận và đề nghị: trình bày những kết quả của từng nội dung nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;

- Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án theo quy định của trường ĐHNL;

b) Tóm tắt luận án tiến sĩ có khối lượng không quá 24 trang A5, được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc, có nội dung phù hợp với luận án; không tẩy xóa. Tóm tắt luận án gồm có bản tiếng Việt và bản tiếng Anh.

2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể:

a) Trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả khác (nếu có). Cách trích dẫn tài liệu tham khảo khi đưa vào trong nội dung luận án theo quy định của trường ĐHNL;

b) Trong trường hợp luận án sử dụng nội dung công trình khoa học của tập thể mà NCS là đồng tác giả thì phải có văn bản đồng ý của các đồng tác giả khác cho phép NCS được sử dụng kết quả của nhóm nghiên cứu;

c) Tuân thủ các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

Điều 26. Đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn (cấp cơ sở)

1. Điều kiện để NCS được đăng ký đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn:

a) Đã hoàn thành các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ quy định tại các khoản 3, 4 Điều 9 của Quy định này;

b) Đã công bố tối thiểu 02 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án, trong đó có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI-Scopus hoặc đã công bố tối thiểu 02 báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện;

c) Được tập thể hoặc người hướng dẫn NCS đồng ý cho đăng ký đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn;

d) Hồ sơ đăng ký đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn gồm:

- Phiếu đăng ký bảo vệ luận án tiến sĩ của NCS có ý kiến đồng ý của tập thể hướng dẫn;

- Biên bản họp xét thông qua luận án ở bộ môn/ khoa chuyên môn;

- Luận án, tóm tắt luận án; bản sao chụp các công trình khoa học liên quan đến đề tài luận án;

- Văn bản đồng ý của đồng tác giả các công trình khoa học (nếu có);

- Lý lịch khoa học của NCS (trong thời gian 03 tháng);
- Các quyết định: Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ, quyết định công nhận NCS và người hướng dẫn, quyết định giao đề tài luận án cho NCS, quyết định về những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có);
- Bảng điểm các học phần bổ sung (nếu có), các học phần trình độ tiến sĩ;
- Bảng điểm chuyên đề tiến sĩ, bài tiểu luận tổng quan;
- Các loại văn bản khác: (i) Quyết định và biên bản tiểu ban đánh giá các chuyên đề tiến sĩ; (ii) Quyết định và biên bản tiểu ban đánh giá bài tiểu luận tổng quan; (iii) Biên bản và toàn văn nội dung của ít nhất 04 lần seminar của NCS ở đơn vị chuyên môn.

2. Trường ĐHNL ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn, chỉ đạo tổ chức đánh giá luận án tiến sĩ ở đơn vị chuyên môn. Việc đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn là hình thức sinh hoạt khoa học được tổ chức 01 lần hoặc nhiều lần, cho đến khi luận án được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường; các thành viên của đơn vị chuyên môn, NCS, học viên, sinh viên và những người quan tâm có quyền tham gia (trừ trường hợp luận án bảo vệ theo chế độ mật).

3. Trường ĐHNL quy định chi tiết hồ sơ, thủ tục đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn; quy trình và phương thức đánh giá, số lượng, tiêu chuẩn và nhiệm vụ của những nhà khoa học được mời nhận xét luận án; đáp ứng các quy định sau:

a) Hội đồng đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn gồm 07 thành viên, có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ với chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của NCS; trong đó: số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư tối thiểu là 02 người; số thành viên là cán bộ khoa học ngoài Trường ít nhất là 02 người. Đối với người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư thì phải có tối thiểu 02 năm (24 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ. Đại diện tập thể hướng dẫn NCS có thể được mời tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên.

Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, 02 phản biện và các ủy viên. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhiệm một trách nhiệm trong Hội đồng. Khuyến khích mời các nhà khoa học giỏi là người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài làm phản biện trong Hội đồng;

b) Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn trước thời gian tổ chức họp Hội đồng ít nhất là 15 ngày làm việc. Các thành viên Hội đồng phải gửi nhận xét luận án trước khi dự phiên họp Hội đồng đánh giá luận án.

c) Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- Vắng mặt chủ tịch Hội đồng;
- Vắng mặt thư ký Hội đồng;
- Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;

- Vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên;
- NCS đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Trường ĐHNH ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn những lần sau (nếu có). Số lượng nhà khoa học tham gia đánh giá luận án lần sau (nếu có) ở đơn vị chuyên môn phải đảm bảo trùng tối thiểu hai phần ba (2/3) với tổng số nhà khoa học được mời nhận xét luận án đã tham gia ở lần đánh giá trước để nhận xét quá trình hoàn thiện luận án của nghiên cứu sinh; trong đó, phải có mặt những người có ý kiến chưa đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp Trường;

đ) Luận án chỉ được thông qua để đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp Trường khi có tối thiểu 3/4 số thành viên Hội đồng đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn có mặt ở lần đánh giá cuối cùng tán thành (ghi rõ ý kiến tán thành/ không tán thành trong phiếu nhận xét luận án).

4. Trong thời gian không quá 90 ngày kể từ khi luận án được thông qua ở đơn vị chuyên môn, NCS phải trình luận án để nhà trường thực hiện quy trình phản biện độc lập. Nếu quá thời hạn nêu trên, NCS không hoàn thành việc sửa chữa và bổ sung, luận án sẽ được đánh giá lại ở đơn vị chuyên môn. Trường hợp đặc biệt, NCS phải có đơn đề nghị có xác nhận của người hướng dẫn và được khoa/ bộ môn quản lý chuyên môn nhất trí đề nghị Hiệu trưởng gia hạn thời gian sửa chữa và bổ sung luận án.

Điều 27. Phản biện độc lập luận án

1. Luận án của NCS được gửi lấy ý kiến của 02 phản biện độc lập trước khi được đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

2. Phản biện độc lập là những nhà khoa học, chuyên gia ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài; có kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu của luận án; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột với NCS; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ NCS và người hướng dẫn trong quá trình hoàn thiện luận án; không là cấp trên/ cấp dưới trực tiếp với NCS; chưa từng tham gia hội đồng đánh giá luận án của NCS ở đơn vị chuyên môn.

3. Danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của Trường ĐHNH. Đơn vị chuyên môn (khoa/ bộ môn quản lý chuyên môn), người hướng dẫn và NCS không được phép tìm hiểu về phản biện độc lập. Phản biện độc lập phải có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình, kể cả khi đã hoàn thành việc phản biện luận án hay khi tham gia vào Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

4. Xử lý kết quả phản biện độc lập

a) Trường hợp cả 02 phản biện độc lập tán thành, luận án được đưa ra bảo vệ ở Hội đồng cấp Trường;

b) Trường hợp cả 02 phản biện độc lập không tán thành, luận án phải đánh giá lại ở đơn vị chuyên môn;

c) Trường hợp có 01 trong 02 phản biện độc lập không tán thành, luận án được gửi đến phản biện độc lập thứ ba.

- Trường hợp phản biện độc lập thứ ba tán thành, luận án được đưa ra bảo vệ ở Hội đồng cấp Trường;

- Trường hợp phản biện độc lập thứ ba không tán thành, luận án phải đánh giá lại ở đơn vị chuyên môn.

5. Luận án đánh giá lại, sau khi được chỉnh sửa, bổ sung phải được tiếp tục gửi đi lấy kiến lần thứ hai của các phản biện độc lập không tán thành lần đầu.

6. Sau khi luận án nhận được sự đồng ý từ phản biện độc lập, người hướng dẫn và NCS xem xét bổ sung, chỉnh sửa luận án theo ý kiến của các phản biện độc lập, hoàn thiện luận án và có báo cáo giải trình những điểm bổ sung, chỉnh sửa, những điểm bảo lưu ý kiến.

Trong thời gian không quá 90 ngày kể từ khi nhận được đầy đủ nhận xét của các phản biện độc lập, NCS phải trình luận án đến đơn vị chuyên môn để thực hiện các thủ tục tiếp theo. Nếu quá thời hạn trên, NCS phải có văn bản báo cáo giải trình để Trường ĐHNH xem xét quyết định.

7. Hiệu trưởng quy định chi tiết tiêu chuẩn đối với phản biện độc lập; trình tự, quy trình lựa chọn, gửi lấy ý kiến và xử lý ý kiến phản biện độc lập; yêu cầu về trách nhiệm bảo mật đối với cán bộ, công chức, người phản biện và đối với thông tin, tài liệu liên quan đến phản biện độc lập theo quy định hiện hành.

Điều 28. Điều kiện và hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường

1. Điều kiện để NCS được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

a) Luận án của NCS được đơn vị chuyên môn đề nghị đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường;

b) Luận án của NCS được các phản biện độc lập quy định tại Điều 27 của Quy định này tán thành;

c) NCS không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

2. Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường gồm:

a) Toàn văn luận án;

b) Tóm tắt luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh);

c) Trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài theo quy định của Nhà trường;

d) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả về công trình nghiên cứu khoa học qui định tại điểm b, khoản 2 Điều 25 Quy định này (nếu có);

đ) Báo cáo giải trình của NCS về các nội dung đã bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến của hội đồng đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn; Báo cáo giải trình của NCS về các nội dung đã bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến của các phản biện độc lập.

e) Các văn bản của đơn vị chuyên môn đề nghị cho phép NCS được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường, bao gồm: Biên bản chi tiết ghi chép nội dung của phiên họp cuối cùng thông qua luận án của hội đồng đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn; Quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn;

Biên bản kiểm phiếu và các phiếu đánh giá; Các bản nhận xét của thành viên Hội đồng đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn;

g) Bản nhận xét của 02 phản biện độc lập;

h) Lí lịch khoa học của NCS.

3. NCS có trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều này; các tài liệu còn lại do phòng Đào tạo tập hợp.

Điều 29. Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường, trong đó quy định chi tiết về nhiệm vụ đối với từng thành viên trong Hội đồng theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 Điều này.

2. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của NCS; đối với người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư thì phải có tối thiểu 03 năm (36 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ.

c) Có công trình nghiên cứu, có uy tín và kinh nghiệm hoạt động nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của NCS, trong đó người phản biện phải có tối thiểu 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện.

3. Số lượng thành viên Hội đồng

a) Hội đồng gồm 07 thành viên; trong đó: số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư tối thiểu là 05 người; số thành viên đã tham gia Hội đồng đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn tối đa không quá 03 người; số thành viên là cán bộ cơ hữu của Trường tối đa không quá 03 người;

b) Hiệu trưởng quyết định số lượng giáo sư, phó giáo sư, số lượng thành viên là cán bộ, giảng viên của Trường trong trường hợp tổ chức đánh giá luận án tiến sĩ của NCS các ngành đang triển khai đào tạo thí điểm tại Trường (nếu có).

4. Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, 03 phản biện và các ủy viên; đại diện tập thể hướng dẫn NCS có thể được mời tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên.

a) Chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư ngành phù hợp với đề tài luận án của NCS, có năng lực và uy tín chuyên môn, am hiểu lĩnh vực nghiên cứu của đề tài luận án; có kinh nghiệm trong đào tạo sau đại học và trong chỉ đạo, điều khiển các buổi đánh giá luận án; chịu trách nhiệm về các hồ sơ liên quan đến việc bảo vệ cấp Trường của NCS;

b) Thư ký Hội đồng là người am hiểu lĩnh vực nghiên cứu của đề tài luận án, nắm chắc các thủ tục bảo vệ luận án, có nhiệm vụ kiểm tra và chịu trách nhiệm về các hồ sơ của NCS, hồ sơ liên quan đến buổi đánh giá luận án, các văn bản nhận xét, tổng hợp các ý kiến nhận xét gửi đến trước buổi đánh giá, ghi biên bản chi tiết của buổi đánh giá và hoàn thành các thủ tục liên quan.

c) Người phản biện phải đáp ứng quy định tại điểm c, khoản 2 Điều này. Đồng thời, người phản biện phải là những người am hiểu sâu luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực khoa học đó; không là đồng tác giả với NCS trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ NCS và người hướng dẫn trong quá trình hoàn thiện luận án; không là cấp trên/ cấp dưới trực tiếp với NCS. Người phản biện phải có trách nhiệm cao trong đánh giá chất lượng khoa học của luận án; đọc và viết nhận xét luận án, trong đó cần ghi rõ luận án có đáp ứng được yêu cầu của một luận án tiến sĩ hay không;

d) Các thành viên Hội đồng phải đọc và gửi bản nhận xét luận án của NCS trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án 10 ngày.

5. Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột của NCS không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

6. Sau khi NCS đáp ứng các điều kiện tại Điều 28 của Quy định này, đồng thời toàn văn luận án, tóm tắt luận án, trang thông tin về những điểm mới của luận án đã được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường. Nội dung toàn văn luận án, tóm tắt luận án, trang thông tin về những điểm mới của luận án đồng thời được gửi đến ĐHTN và Bộ Giáo dục và đào tạo để công bố công khai trên trang thông tin điện tử của ĐHTN và của Bộ Giáo dục và đào tạo.

Điều 30. Đánh giá luận án ở cấp Trường

1. Hiệu trưởng quy định thời hạn, điều kiện, trình tự, thủ tục tổ chức buổi đánh giá luận án ở cấp Trường đảm bảo những quy định sau:

a) Luận án phải được đánh giá công khai trừ những luận án được phép đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 31 của Quy định này;

b) Thời gian, địa điểm tổ chức đánh giá luận án; tóm tắt và toàn văn luận án, trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng Việt và tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, của ĐHTN ít nhất 20 ngày trước ngày bảo vệ trừ những luận án được phép đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 31 Quy định này;

c) Các thành viên Hội đồng phải có nhận xét về luận án bằng văn bản gửi đến Nhà trường trước 10 ngày họp tổ chức đánh giá luận án của NCS.

d) Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- Vắng mặt chủ tịch hội đồng;
- Vắng mặt thư ký hội đồng;
- Vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên;
- Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- Không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại mục a, b, c của Khoản này.
- Nếu có 02 nhận xét của thành viên Hội đồng không tán thành thì luận án được xem là không đạt yêu cầu và không cần phải tổ chức đánh giá luận án;

đ) Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín (tán thành hoặc không tán thành), phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành. Luận án đạt yêu cầu khi có 6/7 hoặc 5/6 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá bỏ phiếu tán thành. Chủ tịch Hội đồng ký xác nhận vào mặt sau của từng phiếu đánh giá. Thủ tục, trình tự, yêu cầu đối với phiên họp của Hội đồng và đối với việc đánh giá luận án của từng thành viên Hội đồng; cách thức đánh giá; nội dung đánh giá cụ thể về mức độ đạt được so với các yêu cầu về nội dung, kết quả nghiên cứu và hình thức luận án theo quy định của ĐHTN;

e) Hội đồng phải có quyết nghị về luận án, trong đó nêu rõ: kết quả đánh giá luận án của các thành viên Hội đồng; những đóng góp mới của luận án về lý luận và thực tiễn; những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án; tính trung thực của kết quả nghiên cứu; kết luận của Hội đồng về việc không thông qua luận án và lý do hoặc thông qua luận án (bao gồm cả yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, nếu có), kiến nghị công nhận trình độ, cấp bằng tiến sĩ cho NCS;

g) Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án cấp Trường phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phần hỏi và trả lời của NCS cho từng câu hỏi. Biên bản được toàn thể thành viên Hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký Hội đồng;

h) Sau khi NCS hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án theo nghị quyết của Hội đồng (nếu có) và có văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa, chủ tịch và thư ký Hội đồng có trách nhiệm xem lại luận án và ký xác nhận văn bản báo cáo của NCS để đóng vào phần cuối quyển luận án và lưu tại Trường (thư viện và phòng Đào tạo), Trung tâm học liệu ĐHTN và nộp cho Thư viện Quốc gia Việt Nam.

2. Trong thời hạn tối đa là 60 ngày kể từ khi có quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án, Hội đồng phải tiến hành họp đánh giá luận án cấp Trường. Trong trường hợp cần thiết (vì lý do khách quan hoặc do có thành viên đề nghị không tham gia Hội đồng), Hiệu trưởng quyết định về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường và thời hạn liên quan đến hoạt động của Hội đồng được tính từ ngày quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên có hiệu lực.

Điều 31. Đánh giá luận án theo chế độ mật

1. Trong trường hợp đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định thì thủ trưởng CSGDDH phải xác định tính chất mật của đề tài ngay sau khi có quyết định công nhận NCS, báo cáo ĐHTN kèm theo căn cứ xác định tính chất mật của đề tài. ĐHTN báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo hồ sơ bảo vệ luận án theo chế độ mật và luận án bảo vệ theo chế độ mật phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý bằng văn bản.

2. Thủ trưởng CSGDDH chịu trách nhiệm về các quy định bảo mật trong quá trình tổ chức đào tạo, nghiên cứu, thực hiện luận án, tổ chức đánh giá luận án, quản lý hồ sơ và tài liệu liên quan theo quy chế bảo mật của Nhà nước.

3. NCS thực hiện các luận án được xác định là mật quy định tại khoản 1 Điều này không phải thực hiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 và điểm b khoản 1 Điều 30 của Quy định này.

4. Ngoài quy định tại khoản 3 Điều này, NCS thực hiện luận án theo chế độ mật phải đảm bảo tất cả các quy định khác của Quy định này.

Điều 32. Đánh giá lại luận án ở cấp Trường

1. Trong trường hợp luận án của NCS không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường thông qua ở lần đánh giá thứ nhất, NCS được phép sửa chữa luận án và đề nghị được bảo vệ luận án lần thứ hai nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b, khoản 7 Điều 18 và khoản 1 Điều 28 của Quy định này.

2. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường lần thứ hai phải có tối thiểu 05 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất nhưng không được vắng mặt thành viên Hội đồng có ý kiến không tán thành luận án.

3. Trình tự, thủ tục đánh giá lại luận án thực hiện như đối với NCS bảo vệ luận án lần đầu. Quá thời hạn học tập và nghiên cứu theo quy định của Quy chế, luận án không được đưa ra bảo vệ. Chi phí bảo vệ luận án lần thứ hai do NCS chịu trách nhiệm chi trả.

4. Không tổ chức đánh giá lại luận án lần thứ ba.

Chương VI

THẨM ĐỊNH QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 33. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo

a) Hồ sơ dự tuyển NCS có đầy đủ minh chứng về điều kiện dự tuyển tại Điều 6 của Quy định này;

b) Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường của NCS quy định tại khoản 2 Điều 28 của Quy định này.

c) Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của NCS quy định tại khoản 2 Điều 37 của Quy định này;

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2. Hồ sơ thẩm định nội dung, chất lượng luận án

a) Luận án tiến sĩ đã xoá thông tin về NCS, người hướng dẫn NCS và CSGDDH;

b) Tóm tắt luận án đã xoá thông tin về NCS, người hướng dẫn NCS và CSGDDH;

c) Bản sao các bài báo công bố kết quả nghiên cứu của NCS theo quy định (đã xoá thông tin về NCS, các đồng tác giả nếu có);

d) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

Điều 34. Quy trình thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của ĐHTN theo quy định, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ thông báo bằng văn bản danh sách những trường hợp cần thẩm định và nội dung yêu cầu thẩm định cụ thể.

2. Trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ của ĐHTN theo quy định, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tiến hành thẩm định và có văn bản thông báo kết quả thẩm định.

3. Quá trình đào tạo đạt yêu cầu thẩm định khi hồ sơ thẩm định đảm bảo các quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án của Quy chế 08/2017.

4. Nội dung, chất lượng luận án được thẩm định bằng hình thức lấy ý kiến đánh giá của 03 nhà khoa học có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, có kinh nghiệm chuyên môn, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của NCS.

a) Luận án đạt yêu cầu thẩm định nếu tối thiểu hai trong ba ý kiến thẩm định luận án tán thành;

b) Trong trường hợp luận án không đạt yêu cầu thẩm định quy định tại điểm a khoản này hoặc có đơn thư tố cáo về nội dung và chất lượng luận án thì Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án, uỷ quyền cho ĐHTN tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Đối với các trường hợp thẩm định của ĐHTN, việc xử lý kết quả thẩm định được thực hiện theo quy định riêng, nhưng bám sát các nội dung khoản 1, 2, 3, 4 Điều này.

Điều 35. Hội đồng thẩm định luận án

1. Hội đồng thẩm định luận án gồm 07 thành viên, trong đó có tối thiểu 04 thành viên chưa tham gia Hội đồng đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn, chưa là phản biện độc lập hoặc chưa là thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường; có các nhà khoa học tham gia thẩm định không tán thành luận án theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Quy chế 08/2017.

2. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng thẩm định luận án như tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường quy định tại khoản 2 Điều 19 Quy chế 08/2017.

3. Hội đồng thẩm định luận án có chủ tịch, thư ký và các ủy viên.

4. Hội đồng chỉ họp khi có mặt tối thiểu 06 thành viên bao gồm chủ tịch, thư ký và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án (nếu có).

5. Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định: xem xét, đánh giá và quyết nghị về nội dung, chất lượng luận án hoặc làm rõ những nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo.

6. Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 02 thành viên Hội đồng có mặt trở lên không tán thành.

7. Trong trường hợp luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua, ĐHTN tổ chức và chủ trì đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng đánh

giá luận án cấp Trường có sự tham dự của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp tối thiểu là 12 người, trong đó chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của hai Hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua nếu có từ 03 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về nội dung, chất lượng luận án.

Điều 36. Xử lý kết quả thẩm định

1. Đối với luận án đạt yêu cầu thẩm định theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 25 Quy chế 08/2017 hoặc được Hội đồng thẩm định thông qua nhưng yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung, Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường cùng với người hướng dẫn và NCS xem xét, quyết định các điểm cần sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của người thẩm định hoặc Hội đồng thẩm định.

2. Đối với luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua:

a) Trong trường hợp NCS chưa được cấp bằng tiến sĩ, NCS được phép sửa đổi, bổ sung và đề nghị đánh giá lại luận án theo quy định tại Điều 22 của Quy chế 08/2017;

b) Trong trường hợp NCS đã được cấp bằng tiến sĩ thì Trường ĐHNL xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Quy chế 08/2017.

3. Đối với hồ sơ quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu thẩm định, căn cứ thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường ĐHNL bổ sung hoàn thiện hồ sơ và giải trình.

4. Trong thời gian tối đa 02 tháng (60 ngày) kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định, Trường ĐHNL gửi văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả thẩm định theo các nội dung nêu tại các khoản 1, 2, 3 Điều này với các minh chứng kèm theo.

Điều 37. Cấp bằng tiến sĩ

Khi NCS có đủ điều kiện để được xét tốt nghiệp và cấp bằng tiến sĩ, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập hội đồng xét tốt nghiệp và cấp bằng tiến sĩ.

1. Điều kiện để NCS được xét cấp bằng tiến sĩ:

a) Luận án của NCS đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường thông qua đủ 03 tháng (90 ngày);

b) NCS đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung luận án theo quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trường và được người hướng dẫn, Trường ĐHNL, chủ tịch Hội đồng xác nhận (nếu có);

c) Nếu là trường hợp cần thẩm định theo thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại khoản 1 Điều 25 Quy chế 08/2017 thì kết quả thẩm định phải đạt yêu cầu theo quy định tại khoản 3 và điểm a, khoản 4 Điều 25 và khoản 1 Điều 27 Quy chế 08/2017; hoặc chưa nhận được kết quả thẩm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo khi đã hết thời hạn thẩm định quy định tại khoản 2 Điều 25 Quy chế 08/2017;

d) Đã đăng trên trang thông tin điện tử của Trường, của ĐHTN và nộp thư viện Trường ĐHNL, Trung tâm học liệu Đại học Thái Nguyên, Thư viện Quốc gia Việt

Nam (cả bản in và file pdf) toàn văn luận án và tóm tắt luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký, ghi rõ họ tên của NCS, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của Trường ĐHNL sau khi đã bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường và Hội đồng thẩm định (nếu có).

2. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của NCS gồm:

- a) Biên bản họp Hội đồng đánh giá luận án ở cấp Trường;
- b) Quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường;
- c) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá của tất cả các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường có mặt tại buổi đánh giá;
- d) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn hoặc tập thể hướng dẫn NCS; Bản nhận xét của phản biện và các thành viên Hội đồng;
- đ) Danh sách có chữ ký của các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường có mặt tại buổi đánh giá luận án của NCS;
- e) Giấy biên nhận đã nộp luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam, Trung tâm học liệu ĐHTN và Thư viện của Trường ĐHNL;
- g) Minh chứng công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường ĐHNL và của ĐHTN; ngày công bố trang thông tin các điểm mới của luận án, toàn văn luận án, tóm tắt luận án; ngày tổ chức đánh giá luận án trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 31 Quy định này;

3. Trường ĐHNL tập hợp hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ và tiến hành thủ tục cấp bằng cho NCS khi NCS đáp ứng đầy đủ điều kiện qui định tại khoản 1 Điều này và lưu trữ hồ sơ cấp bằng theo quy định.

4. Trường ĐHNL có trách nhiệm tổ chức kiểm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận án, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường trước khi tổ chức cuộc họp thường kỳ thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường ĐHNL để thông qua danh sách NCS được xét cấp bằng tiến sĩ và ra quyết định cấp bằng tiến sĩ cho NCS.

Chương VII

KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 38. Khiếu nại, tố cáo

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và NCS có quyền khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ.

2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại, Luật tố cáo.

Điều 39. Thanh tra, kiểm tra

Hàng năm, phòng đào tạo phối hợp với phòng Thanh tra - Pháp chế Trường ĐHNL, thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của đơn vị liên quan theo các quy định hiện hành.

Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm công tác tuyển sinh; công tác tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo; chương trình và quy trình đào tạo; quy trình tổ chức đánh giá luận án các cấp; Hồ sơ đề nghị cấp bằng tiến sĩ; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo. Kết luận thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị (nếu có) sẽ được phòng Thanh tra – pháp chế báo cáo bằng văn bản cho Hiệu trưởng.

Điều 40. Xử lý vi phạm

1. Trong trường hợp phát hiện có vi phạm trong hồ sơ tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHTN có văn bản yêu cầu Trường ĐHNL xử lý hoặc trực tiếp xử lý theo thẩm quyền.

2. Việc thu hồi bằng tiến sĩ được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp sau:

a) Gian lận trong hồ sơ dự tuyển khiến người được cấp bằng không còn đảm bảo điều kiện dự tuyển và điều kiện công nhận NCS;

b) Sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án mà nếu cắt bỏ những nội dung đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 25 của Quy định này;

c) Luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại khoản 7 Điều 35 của Quy định này.

3. Trong trường hợp NCS bị phát hiện có những vi phạm khác thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Việc xác định luận án vi phạm tại điểm b, khoản 2 Điều này thuộc thẩm quyền của Hội đồng thẩm định do Hiệu trưởng thành lập theo quy định tại Điều 35 của Quy định này.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 41. Quy định chuyên tiếp

1. Đối với các khoá tuyển sinh đã có quyết định công nhận NCS trước thời điểm Quy chế 08/2017 có hiệu lực thi hành (trước ngày 18/5/2017), Trường ĐHNL

thực hiện theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 và được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ của ĐHTN ban hành kèm theo Quyết định số 350/QĐ-ĐHTN, ngày 26/4/2012 của Giám đốc ĐHTN và Quy định công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường ĐHNL ban hành kèm theo Quyết định số 560/QĐ-ĐHNL ngày 23 tháng 4 năm 2015 .

2. Đối với các khóa tuyển sinh kể từ thời điểm Thông tư 08/2017 có hiệu lực thi hành **đến hết ngày 31/12/2018**, quy định về tiêu chuẩn người hướng dẫn NCS tại điểm d, khoản 1 Điều 20 và quy định về điều kiện NCS được đăng ký đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn tại điểm b, khoản 1 Điều 26 Quy định này được thực hiện như sau:

a) Người hướng dẫn những đề tài thuộc Nhóm ngành I (quy định tại Phụ lục V) là tác giả chính (đứng tên thứ nhất) của tối thiểu 01 bài báo bằng tiếng nước ngoài đăng trên các tạp chí thuộc danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước hoặc trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

b) Người hướng dẫn những đề tài thuộc Nhóm ngành II (quy định tại Phụ lục V) là tác giả chính (đứng tên thứ nhất) tối thiểu 01 báo cáo hoặc công trình khoa học đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc ít nhất một chương sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do các nhà xuất bản nước ngoài phát hành hoặc 01 bài báo đăng trong tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

c) NCS thực hiện những đề tài thuộc Nhóm ngành I (quy định tại phụ lục V) phải công bố nội dung và kết quả nghiên cứu của luận án trong tối thiểu 02 bài báo hoặc báo cáo, trong đó có 01 bài báo bằng tiếng nước ngoài trên các tạp chí thuộc danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước hoặc trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài;

d) NCS thực hiện những đề tài thuộc Nhóm ngành II (quy định tại Phụ lục V) phải công bố nội dung và kết quả nghiên cứu của luận án trong tối thiểu 02 bài báo

hoặc báo cáo, trong đó có 01 báo cáo đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện.

3. Đối với các khóa tuyển sinh kể từ ngày 01/01/2019 trở đi, người hướng dẫn NCS phải thực hiện quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 20 và NCS phải thực hiện quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 26 của Quy định này.

Điều 42. Tổ chức thực hiện

Quy định này có hiệu lực trong phạm vi Trường ĐHNL kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện nếu có những điểm cần phải cụ thể hoá, đề nghị các đơn vị phản ánh về phòng Đào tạo để tiếp tục nghiên cứu bổ sung và chỉnh sửa.

